

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 05-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Ông Phạm Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 các bị cáo:

1. Lê Văn T; sinh ngày 13 tháng 02 năm 1990 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tiến C (sinh năm 1959) và bà Vũ Thị T (đã chết); chung sống như vợ chồng với chị Lê Thị Y (chưa đăng ký kết hôn); con: Có 01 con sinh năm 2009; tiền án: Có 02 tiền án; tại Bản án số 15/2017/HS-ST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tại Bản án số 18/2021/HS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 08/2016/HS-ST ngày 09/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; tại Bản án số 01/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ ngày 02/10/2023, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến nay. Có mặt.

2. Đinh Văn T; sinh ngày 27 tháng 12 năm 1987 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi

đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Y (đã chết) và bà Trần Thị P (sinh năm 1957); vợ: Hoàng Thi T (đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 26/2008/HSST ngày 24/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tại Bản án số 102/2014/HSST ngày 13/08/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tại Bản án số 01/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 12/2021/QĐ-TA ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 08 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giữ ngày 02/10/2023, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Lãng Chí H, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện của bị hại: Chị Lô Thị Phương N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ Y, khối Z, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Đặng Thị Thu H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 44 phút ngày 01/10/2023, bị cáo Lê Văn T và bị cáo Đinh Văn T đang cùng nhau đi bộ đến khu vực khu M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu N, màu nâu, biển kiểm soát 19LM - xxxx đang dựng ở cạnh đường. Quan sát không có ai trông giữ, Lê Văn T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nên đã rủ bị cáo Đinh Văn T: “Để em mở thử cái xe nhé”. Do cả hai cùng nghiện ma túy từ lâu nên bị cáo Đinh Văn T ngầm hiểu là bị cáo Lê Văn T rủ mình cùng thực hiện hành vi trộm cắp để đem chiếc xe đi bán lấy tiền mua ma túy về cùng sử dụng. Vì vậy, bị cáo Đinh Văn T đồng ý và đứng cạnh giới để bị cáo Lê Văn T tiếp cận tài sản, dùng chìa khóa mang theo người mở khóa và nổ máy xe. Sau đó, bị cáo Đinh Văn T điều khiển xe mô tô chở bị cáo Lê Văn T đi đến đoạn đường thuộc thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì dừng lại, bị cáo Lê Văn T mở cốp xe kiểm tra bên trong có 01 giấy đăng kí xe mô tô biển kiểm soát 19LM- xxxx mang tên Đặng Thị Thu H. Sau đó, bị cáo Lê Văn T tiếp tục điều khiển xe chở bị cáo Đinh Văn T đi đến thành phố Lạng Sơn ngủ qua đêm để hôm sau tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 06 giờ ngày 02/10/2023, hai bị cáo điều khiển xe đi đến ngã tư thị trấn C thì bị cáo

Đinh Văn T xuống xe, còn bị cáo Lê Văn T một mình đi tìm nơi tiêu thụ. Bị cáo Lê Văn T mang xe đến điểm thu mua phế liệu tại địa chỉ tổ 4, khối 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, gặp anh Bùi Văn T là chủ cơ sở. Do thấy Lê Văn T có đầy đủ giấy tờ đăng ký xe nên anh Bùi Văn T đồng ý mua chiếc xe mô tô với giá 550.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ anh Bùi Văn T, bị cáo Lê Văn T đi bộ quay lại chỗ bị cáo Đinh Văn T đang đứng đợi, sau đó cả hai đi ăn sáng rồi bắt xe khách đi về xã T, huyện V với mục đích để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến đoạn thôn Tà Lại, xã T, bị cáo Lê Văn T đưa cho bị cáo Đinh Văn T số tiền 300.000 đồng để ma túy. Cả hai đi bộ dọc đường thì gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ, tên, địa chỉ). Bị cáo Đinh Văn T đến gần hỏi mua ma túy và đưa cho người đó 300.000 đồng, người này nhận tiền rồi đi khoảng 05 phút sau quay lại đưa cho bị cáo Đinh Văn T 01 gói giấy được gói bằng mảnh giấy vệ sinh màu trắng, bên trong có 02 gói ma túy, bị cáo Đinh Văn T nhận lấy số ma túy trên đưa cho bị cáo Lê Văn T cất vào trong túi quần. Khi cả hai đang đi bộ dọc đường để tìm chỗ sử dụng thì gặp tổ công tác Công an huyện V kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy nói trên.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã truy tìm và thu giữ được vật chứng do anh Bùi Văn T giao nộp gồm 01 xe mô tô biển kiểm soát 19LM- xxxx cùng đăng ký xe và 02 chìa khóa kim loại nhãn hiệu V. Ngày 31/10/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô và đăng ký xe nêu trên cho anh Lãng Chí H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tổng giá trị còn lại của tài sản cần định giá đến thời điểm ngày 01/10/2023 là 2.667.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1016/KL-KTHS ngày 05/10/2023 của Phòng PC09 – Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy heroine, có tổng khối lượng 0,147 gam (đã trừ bì).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Các bị cáo khai số tiền 250.000 đồng còn lại sau khi mua ma túy đã tiêu xài cá nhân hết. Hai chiếc chìa khóa V thu giữ của bị cáo Lê Văn T là chìa khóa của bị cáo mang theo người, đã dùng để mở khóa chiếc xe mô tô bị trộm cắp. Quá trình điều tra tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo đã tự giác khai ra hành vi trộm cắp tài sản ngày 01/10/2023 trước khi bị phát hiện.

Lời khai của bị hại và người đại diện của bị hại tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo, do đã nhận lại đầy đủ tài sản, giấy tờ nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Văn T trình bày: Anh không biết chiếc xe mô tô mà anh mua của Lê Văn T là tài sản do trộm cắp mà có. Anh không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra mua xe là 550.000 đồng do số tiền không lớn.

Người làm chứng chị Đặng Thị Thu H khai, chị mua xe mô tô nhãn hiệu N, biển kiểm soát 19LM – xxxx vào tháng 12/2007, có đăng ký xe mang tên chị. Đến tháng 8/2022 chị đã bán xe này cho cháu Lăng Chí H nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đinh Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b khoản 2 Điều 53; Điều 55, 56, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T, đề nghị xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tổng hợp hình phạt từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 09 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, 56, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn T, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tổng hợp hình phạt từ 02 năm 03 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 01/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung do các bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy thu được sau giám định và các vỏ bao gói, 02 chìa khóa V. Về trách nhiệm dân sự không đề nghị xem xét do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, không có yêu cầu bồi thường dân sự; người làm chứng vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đủ căn cứ kết luận: Ngày 01/10/2023, tại khu 4, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Lê Văn T và Đinh Văn T đã cùng nhau lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu N, màu nâu, biển kiểm soát 19LM- xxxx, đã qua sử dụng có giá trị là 2.667.000 đồng của cháu Lăng Chí H, mục đích bán lấy tiền mua ma túy. Bị cáo Đinh Văn T đứng cảnh giới để bị cáo Lê Văn T tiếp cận tài sản, dùng chiếc chìa khóa mang theo người mở khóa và nổ máy xe. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 02/10/2023, bị cáo Lê Văn T và Đinh Văn T đã dùng tiền bán xe để mua 02 gói ma túy heroine có tổng khối lượng là 0,147 gam (đã trừ bì), mục đích để cùng nhau sử dụng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên cố ý thực hiện.

[5] Bị cáo Lê Văn T có 02 tiền án: Bị cáo chưa chấp hành xong các quyết định tại Bản án số 15/2017/HS-ST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo Bản án số 18/2021/HS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Tính đến ngày phạm tội lần này, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đinh Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[7] Xét vai trò đồng phạm: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị

cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo Lê Văn T đóng vai trò quan trọng hơn cả do là người khởi xướng, trực tiếp gợi ý việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sử dụng công cụ là chìa khóa mang theo người để nổ máy xe mô tô, chủ động mang xe đi tiêu thụ, rủ rê bị cáo Đinh Văn T cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đinh Văn T tiếp nhận ý chí, tích cực hỗ trợ, cảnh giới để bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều khiển xe mô tô chở bị cáo Lê Văn T rời khỏi hiện trường để mang đi tiêu thụ nhằm có tiền mua ma túy cùng nhau sử dụng. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc vai trò của từng bị cáo để quyết định mức án phù hợp.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và tự thú về hành vi trộm cắp tài sản nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn T đã 04 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, trong đó có 02 tiền án, 01 lần đã được xóa án tích, 01 lần án chưa có hiệu lực, có nhân thân xấu. Bị cáo Đinh Văn T đã 03 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, trong đó 02 lần đã được xóa án tích, 01 lần án chưa có hiệu lực và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên đánh giá bị cáo có nhân thân không tốt. Đánh giá các bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện và coi thường pháp luật.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không sở hữu tài sản có giá trị; bị cáo Đinh Văn T không có nghề nghiệp, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[13] Đối với người đàn ông khoảng 40 tuổi đã bán ma túy cho bị cáo Đinh Văn T do không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra xử lý trong vụ án này.

[14] Đối với Bùi Văn T là người đã mua lại 01 xe mô tô N, biển kiểm soát 19LM-xxxx từ bị cáo Lê Văn T, do anh Bùi Văn T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

[15] Về bồi thường dân sự: Do bị hại, người đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[16] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ quy định tại

điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét thấy, chất ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; các vỏ bao gói, chìa khóa kim loại là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 550.000 đồng do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Văn T từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh Bùi Văn T, không truy thu số tiền do phạm tội mà có. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị mất cho chủ sở hữu hợp pháp cháu Lăng Chí H là phù hợp và đúng quy định.

[17] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[18] Các bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[19] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn T;

Căn cứ điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Đinh Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung của cả hai tội đối với bị cáo là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (02/10/2023).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung của cả hai tội đối với bị cáo là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (02/10/2023).

3. Xử lý vật chứng

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì mặt trước có ký hiệu chữ viết tay “QT MA TÚY” có chữ ký và họ tên của giám định viên, cán bộ giám định, được đóng giáp lai 02 (hai) dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn; mặt sau có chữ ký và họ tên của những người tham gia niêm phong, được đóng giáp lai 05 (năm) dấu tròn đỏ của Công an xã T.

- 02 (hai) chìa khóa bằng kim loại nhãn hiệu V, cũ đã qua sử dụng, có diện 5cm x 2cm.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/01/2024 giữa Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

4. Án phí

Các bị cáo Lê Văn T, Đinh Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQĐT Công an huyện Văn Lãng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng

